

Số: /CTAGI-TTHT
V/v kê khai thuế GTGT và thuế TNDN
đối với điện mặt trời

An Giang, ngày tháng năm

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh An Giang
Địa chỉ: 16C Tôn Đức Thắng, Thành phố Long Xuyên, An Giang.

Cục Thuế tỉnh An Giang nhận được Công văn số 225/VPUBND-QTTV ngày 12/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc hướng dẫn thực hiện kê khai thuế GTGT và thuế TNDN đối với điện mặt trời. Vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị hành chính thực hiện khai thuế GTGT và thuế TNDN theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu.

1. Cơ sở pháp lý

1.1. Tỷ lệ tính thuế theo phương pháp trực tiếp

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng; theo đó quy định về phương pháp tính trực tiếp trên GTGT như sau:

“2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

...

b) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau:

...

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

- Hoạt động kinh doanh khác: 2%”.

Căn cứ khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (được bổ sung, sửa đổi bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015), theo đó quy định khai thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu trong trường hợp sau:

“- Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp ... có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:

+ Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%.

Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%.

+ Đối với kinh doanh hàng hóa: 1%.

+ Đối với hoạt động khác: 2%...”

1.2. Về kê khai thuế và kê khai thuế bổ sung

Căn cứ Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc Hội:

- Tại khoản 1 Điều 44 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế như sau:

“1. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai theo tháng, theo quý được quy định như sau:

...

b) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý.”.

- Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 47 quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế như sau:

“1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.

...

4. Hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế bao gồm:

a) Tờ khai bổ sung;

b) Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan.”.

- Tại khoản 1 Điều 55, quy định thời hạn nộp bổ sung hồ sơ khai thuế:

“1. Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.”.

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều luật Quản lý thuế:

- Tại khoản 4 Điều 8 quy định khai bổ sung hồ sơ thuế:

“4. Người nộp thuế được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế và theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Người nộp thuế khai bổ sung như sau:

a) Trường hợp khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.

Trường hợp chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

Trường hợp đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm; riêng trường hợp khai bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá

nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

b) Người nộp thuế khai bổ sung dẫn đến tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế đã được ngân sách nhà nước hoàn trả thì phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc số tiền thuế đã được hoàn trả và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).

Trường hợp khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì phải kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại. Người nộp thuế chỉ được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

7. Danh mục hồ sơ khai thuế áp dụng đối với từng loại thuế, từng hoạt động kinh doanh tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”.

- Tại điểm b khoản 6 Điều 8 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP) quy định thời hạn tạm nộp thuế TNDN:

“b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này). Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.”.

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng:

- Tại khoản khoản 3 Điều 8 quy định:

“Điều 8. Thời điểm xác định thuế GTGT

...

3. Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hóa đơn tính tiền...”.

- Tại khoản 8 Điều 14 quy định về nguyên tắc kê khai bổ sung như sau:

“8. Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”.

1.3. Về hóa đơn điện tử

Căn cứ khoản 1 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

“Điều 91. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ...”.

Căn cứ điểm h Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; trong đó quy định thời điểm lập hóa đơn với hoạt động cung cấp điện như sau:

“Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

4. Thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

...

h) Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện thì thời điểm lập hóa đơn điện tử được xác định căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng 2 chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế. ...”.

1.4. Về xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý thuế quy định trường hợp nộp tiền chậm nộp như sau:

“Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế

1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm:

a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;

b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót hoặc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu;”.

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn:

- Tại Điều 13 quy định xử phạt đối với nộp hồ sơ khai thuế quá hạn như sau:

“ Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

...

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến 60 ngày.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 61 ngày đến 90 ngày

...

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 143 Luật Quản lý thuế.

Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế nhưng không thấp hơn mức trung bình của khung phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế;

... ”

- Tại Điều 24 quy định xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ như sau:

“4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều này;

...

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua theo quy định, trừ hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc lập hóa đơn theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 4, khoản 5 Điều này khi người mua có yêu cầu.”.

2. Hướng dẫn thực hiện:

Căn cứ vào các quy định nêu trên, thì:

- Đơn vị hành chính có phát sinh thu nhập thường xuyên từ hoạt động bán điện năng lượng mặt trời áp mái đang thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT và thuế TNDN theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC và khai thuế hàng quý quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14.

- Thời điểm lập hóa đơn đối với điện mặt trời là thời điểm đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai thuế đối với kỳ phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; trường hợp đơn vị chưa xuất hóa đơn bán hàng thì phải lập hóa đơn bổ sung và kê khai thuế bổ sung theo quy định pháp luật về thuế.

- Về nguyên tắc kê khai thuế khi phát hiện có sai, sót thì thực hiện khai điều chỉnh, bổ sung tại kỳ tính thuế đã có sai, sót; hồ sơ khai thuế bổ sung gồm: Tờ khai bổ sung mẫu 01/KHBS, Bản giải trình khai bổ sung mẫu 01-1/KHBS và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Thực hiện lập tờ khai thuế GTGT bổ sung theo nguyên tắc sai đâu, sửa đó; cụ thể:

+ Phát hiện thiếu sót bất cứ nào thời điểm thì quay lại đúng kỳ tính thuế đó để khai bổ sung; sai ở chỉ tiêu nào tìm đến đúng chỉ tiêu đó và sửa lại chỉ tiêu đó về số liệu đúng; tờ khai thuế GTGT quý sau luôn phải lấy theo số dư cuối kỳ (chỉ tiêu 43) của tờ khai chính thức quý trước và thực hiện điều chỉnh (nếu có).

+ Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

- Trường hợp lập hóa đơn sai thời điểm, dẫn đến chậm kê khai, nộp thuế bị xử lý theo quy định Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn.

Tùy vào tình hình thực tế, đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, lập hóa đơn đối với doanh thu phát sinh theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, nếu có vướng mắc có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế trên website <https://angiang.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế của Cục Thuế (02963.945.120) để được hỗ trợ thêm.

Cục Thuế tỉnh An Giang thông báo Văn phòng UBND tỉnh An Giang được biết, để thực hiện đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Cục Thuế;
- Các Phòng: KTNB, TTKT3;
- Website: <http://angiang.gdt.gov.vn>;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh AG;
- Lưu: VT, TTHT (7b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Trí Dũng